

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5042 /UBND-TH

Bình Phước, ngày 04 tháng 12 năm 2024

V/v tiếp thu, giải trình ý kiến của
Ban KTNS HĐND tỉnh về nội dung
trình kỳ họp cuối năm 2024,
HĐND tỉnh khóa X

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh.

Trên cơ sở Báo cáo thẩm tra số 82/BC-HĐND-KTNS ngày 21/11/2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh; Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 3659/BC-SKHĐT ngày 03/12/2024,

Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu, giải trình các ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh về các nội dung trình kỳ họp thứ 18 (cuối năm 2024), HĐND tỉnh khóa X, như sau:

1. Nghị quyết thông qua điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025

(1) Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị UBND tỉnh dự án xây dựng 18 phòng học Trường trung học cơ sở và Trung học phổ thông Minh Hưng, thị xã Chơn Thành với số vốn 19 tỷ 800 triệu đồng chưa đảm bảo các điều kiện được đưa vào kế hoạch đầu tư công trung hạn theo quy định tại Luật Đầu tư công.

UBND tỉnh tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh, dự án xây dựng 18 phòng học Trường trung học cơ sở và Trung học phổ thông Minh Hưng, thị xã Chơn Thành chưa đảm bảo thủ tục quyết định chủ trương đầu tư đã được Thường trực HĐND tỉnh có ý kiến tại Công văn số 420/HĐND ngày 20/11/2024. Do đó, UBND tỉnh đã đưa dự án ra khỏi danh mục điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 trình tại kỳ họp cuối năm 2024.

(2) Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị UBND tỉnh phân tích rõ căn cứ pháp lý, sự phù hợp với các điều kiện để bố trí vốn đầu tư công trung hạn và hàng năm theo quy định của pháp luật về đầu tư công khi đề xuất bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn đối với: (1) Xây dựng Trường trung học phổ thông Lương Thế Vinh, huyện Bù Đăng; (2) Vốn đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; (3) Vốn điều lệ Quỹ Phát triển đất; (4) Vốn Quỹ hỗ trợ Hội nông dân tỉnh. Đồng thời, cung cấp đầy đủ hồ sơ, văn bản thẩm định của cơ quan chuyên môn về nguồn vốn và khả năng cân đối vốn đối với từng danh mục đề xuất bổ sung bố trí vốn trung hạn, hàng năm.

Giải trình:

- Hiện nay, Trường trung học phổ thông Lương Thế Vinh, huyện Bù Đăng được UBND tỉnh thuận chủ trương để UBND huyện Bù Đăng xây dựng, ban hành Đề án chia tách Trường THCS và THPT Lương Thế Vinh tại Công văn số 4660/UBND-NC ngày 08/11/2024. Trên cơ sở đó, UBND huyện Bù Đăng đã có Quyết định số 2477/QĐ-UBND ngày 11/11/2024 phê duyệt ban hành Đề án chia tách Trường THCS và THPT Lương Thế Vinh, trong đó chia tách Trường THCS và THPT Lương Thế Vinh thành Trường THPT Lương Thế Vinh và Trường THCS Bom Bo. Để đảm bảo cơ sở vật chất đáp ứng nhu cầu dạy và học cho các em học sinh trên địa bàn các xã: Bom Bo, Đường 10, Đăk Nhau, Bình Minh và một số khu vực lân cận nằm trong quy hoạch khoáng sản (quặng Bauxit) không đảm bảo điều kiện đầu tư xây dựng phòng học, do đó việc đầu tư là cần thiết.

- Về vốn đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Căn cứ khoản 7, Điều 3 Nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 quy định: *“Đối với số thu từ chuyên mục đích sử dụng đất trên địa bàn cấp huyện điều tiết (40%) về ngân sách tỉnh được sử dụng: dành 10% để phân bổ cho đo đạc, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”*. Do đó, việc phân bổ số vốn là 76 tỷ 700 triệu đồng vào danh mục điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 trình tại kỳ họp cuối năm 2024 là đảm bảo theo quy định nêu trên, UBND tỉnh đề nghị Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đồng thuận.

- Về vốn Quỹ hỗ trợ Hội nông dân tỉnh: Hiện nay, Đề án kiện toàn tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh đã được Ban Thường vụ Tỉnh ủy kết luận thống nhất tại Thông báo số 1347-KL/TU ngày 30/11/2024 phiên họp thứ 37/2024. Do đó, việc phân bổ vốn Quỹ hỗ trợ Hội nông dân tỉnh với số vốn là 2 tỷ 500 triệu đồng vào danh mục điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 trình tại kỳ họp cuối năm 2024 là đảm bảo theo quy định, UBND tỉnh đề nghị Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đồng thuận.

- Đối với vốn Điều lệ Quỹ Phát triển đất và vốn Ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, UBND tỉnh tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đã rà soát, cắt giảm 02 chương trình này do chưa đủ điều kiện để bổ sung vốn vào kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025. Đồng thời, đối với số vốn cắt giảm của 02 chương trình này sẽ bổ sung vào nguồn dự phòng ngân sách tỉnh.

(Kèm theo dự thảo Nghị quyết đã tiếp thu, chỉnh sửa)

2. Nghị quyết thông qua kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị UBND tỉnh giải trình, cung cấp đầy đủ hồ sơ về nguồn vốn và khả năng cân đối vốn của 01 dự án và 03 nhiệm vụ như nội dung nêu ở trên.

Giải trình:

Đối với nội dung về nguồn vốn và khả năng cân đối vốn: (1) Xây dựng Trường trung học phổ thông Lương Thế Vinh, huyện Bù Đăng; (2) Vốn đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; (3) Vốn điều lệ Quỹ Phát triển đất; (4) Vốn Quỹ hỗ trợ Hội nông dân tỉnh. UBND tỉnh đã có báo cáo giải trình tại mục 2, phần 1 nêu trên.

Đồng thời, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư rà soát kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 đảm bảo phải có trong danh mục điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 trình tại kỳ họp cuối năm 2024 làm cơ sở để bố trí kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025, trong đó vốn Điều lệ Quỹ Phát triển đất và vốn Ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh chưa đủ điều kiện và khả năng cân đối vốn năm 2025.

Do đó, UBND tỉnh đề nghị Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đồng thuận thông qua kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025.

(Kèm theo dự thảo Nghị quyết đã tiếp thu, chỉnh sửa)

3. Nghị quyết quyết định chủ trương đầu tư dự án Xây dựng Trường trung học phổ thông Lương Thế Vinh, huyện Bù Đăng

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo cơ quan chuyên môn rà soát vị trí dự án với nội dung quy hoạch khoáng sản làm vật liệu xây dựng theo Quyết định số 1626/QĐ-TTg ngày 15/12/2023; phân tích về tính phù hợp của việc dự kiến nguồn vốn bố trí cho các năm (năm 2024 - 2025 chuẩn bị đầu tư, phê duyệt báo cáo chủ trương đầu tư, tuy nhiên dự kiến nguồn vốn bố trí cho 2 năm này là 50 tỷ; năm 2025 - 2027: thực hiện đầu tư nhưng dự kiến vốn bố trí là 40 tỷ đồng).

Giải trình:

Trên cơ sở báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Xây dựng Trường trung học phổ thông Lương Thế Vinh của UBND huyện Bù Đăng, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã lấy ý kiến thẩm định chuyên ngành, trong đó Sở Tài nguyên và Môi trường đã có văn bản thẩm định tại Công văn số 3516/STNMT-CCBVMT ngày 15/11/2024, Sở Xây dựng tại Công văn số 3560/SXD-QLXD ngày 18/11/2024. Như vậy, việc rà soát vị trí dự án với nội dung quy hoạch khoáng sản làm vật liệu xây dựng theo Quyết định số 1626/QĐ-TTg ngày 15/12/2023 đã được Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường góp ý thẩm định cho dự án đảm bảo đúng quy định.

Đối với kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025, dự án được bố trí 50 tỷ đồng, số vốn còn lại là 40 tỷ đồng của dự án sẽ bố trí chuyển tiếp sang kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030. Riêng đối với kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024, hiện nay đã được HĐND tỉnh thông qua tại kỳ họp chuyên đề tháng 10/2024. Do đó, việc bố trí kế hoạch vốn giai đoạn năm 2024 - 2025 50 tỷ đồng là phù hợp.



UBND tỉnh đề nghị Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đồng thuận thông qua Nghị quyết quyết định chủ trương đầu tư dự án Xây dựng Trường trung học phổ thông Lương Thế Vinh, huyện Bù Đăng.

(Kèm theo dự thảo Nghị quyết đã tiếp thu, chỉnh sửa)

UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh xem xét./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban KTNS HĐND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- LĐVP, Phòng TH;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

Trần Tuệ Hiền



RECEIVED
MAY 18, 19

1914
MAY 18, 1914



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Phước, ngày tháng 12 năm 2024

NGHỊ QUYẾT
Thông qua điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công
trung hạn giai đoạn 2021-2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 18

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;
Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;
Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;
Căn cứ Quyết định số 1200/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương từ dự phòng chung, dự phòng nguồn ngân sách trung ương của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; giao dự toán và kế hoạch vốn ngân sách trung ương năm 2024 cho các bộ, địa phương;
Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 và Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;
Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;
Căn cứ Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách địa phương;
Căn cứ Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

Xét Tờ trình số 165/TTr-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 82/BC-HĐND-KTNS ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 là 10.277 tỷ đồng, bao gồm ngân sách Trung ương là 9.770 tỷ đồng, ngân sách địa phương là 507 tỷ đồng, cụ thể:

1. Nguồn ngân sách Trung ương

- Xây dựng đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Thủ Dầu Một - Chơn Thành đoạn qua địa bàn tỉnh Bình Phước, với số vốn là 1.000 tỷ đồng từ nguồn vốn tăng thu ngân sách Trung ương năm 2022.

- Xây dựng đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa (Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước), với số vốn là 8.770 tỷ đồng từ nguồn vốn tăng thu ngân sách Trung ương năm 2022.

2. Nguồn ngân sách địa phương

- Giảm 507 tỷ đồng của 04 dự án:

+ 120 tỷ đồng thanh toán trả nợ tòa nhà trung tâm hành chính tỉnh 2 năm (2024-2025).

+ 130 tỷ đồng dự án công viên khu hành chính tỉnh.

+ 140 tỷ đồng hỗ trợ đầu tư hạ tầng các cụm công nghiệp.

+ 117 tỷ đồng hỗ trợ giải phóng mặt bằng tuyến đường kết nối khu dân cư Đại Nam ra xã Minh Lập, thị xã Chơn Thành.

- Bổ sung số vốn 322 tỷ 600 triệu đồng cho 03 chương trình, 01 dự án:

+ Dự án Xây dựng Trường THPT Lương Thế Vinh, huyện Bù Đăng, với số vốn là 90 tỷ đồng.

+ Vốn Đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, với số vốn là 76 tỷ 700 triệu đồng.

+ Vốn Lập Quy hoạch với số vốn là 153 tỷ 400 triệu đồng.

+ Vốn Quỹ hỗ trợ Hội nông dân tỉnh, với số vốn là 2 tỷ 500 triệu đồng.

- Bổ sung vào nguồn dự phòng ngân sách tỉnh, với số vốn là 184 tỷ 400 triệu đồng.

Điều 2. Các nội dung không điều chỉnh, bổ sung tại Nghị quyết này, thực hiện theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua kế hoạch bổ sung vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách địa phương; Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 31 tháng 10 năm

2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa X, kỳ họp thứ 18 thông qua ngày ... tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực, kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- TTTU, TTHĐND, Đoàn ĐBQH, UBND, BTTUBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- TTHĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP, các phòng chuyên môn;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Huỳnh Thị Hằng

Biểu số 1

DANH MỤC BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025
NGUỒN TĂNG THU NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2022

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Bổ sung kế hoạch vốn đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
	TỔNG SỐ		27.014.000	11.536.500	9.770.000	
1	Giao thông		27.014.000	11.536.500	9.770.000	
1	Xây dựng đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Thủ Dầu Một - Chơn Thành đoạn qua địa bàn tỉnh Bình Phước	02/NQ-HĐND ngày 13/5/2024	1.474.000	1.000.000	1.000.000	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
2	Xây dựng đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa (Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước)	138/2024/QH15 ngày 28/6/2024	25.540.000	10.536.500	8.770.000	Ban QLDA ĐTXD tỉnh chủ đầu tư dự án thành phần 3, thành phần 5

Biểu số 2

**DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025
NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

DVT: Triệu đồng.

STT	Danh mục dự án	Số quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (NQ số 11/NQ-HĐND, NQ số 30/NQ-HĐND, NQ số 17/NQ-HĐND và NQ số 24/NQ-HĐND)	Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Tăng	Giảm	Chủ đầu tư
	TỔNG SỐ			507.000	507.000	507.000	507.000	
1	Thanh toán trả nợ tòa nhà TTHC tỉnh 2 năm (2024-2025)	20/NQ-HĐND ngày 16/12/2019		120.000			120.000	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
2	Dự án công viên khu hành chính tỉnh	18/NQ-HĐND ngày 02/7/2021	144.000	130.000			130.000	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
3	Hỗ trợ đầu tư hạ tầng các cụm công nghiệp			140.000			140.000	Sở Công Thương
4	Hỗ trợ GPMB tuyến đường kết nối khu dân cư Đại Nam ra xã Minh Lập huyện Chơn Thành	2141/QĐ-UBND ngày 28/8/2020	130.000	117.000			117.000	UBND thị xã Chơn Thành
5	Xây dựng Trường THPT Lương Thế Vinh, huyện Bù Đăng				90.000	90.000		UBND huyện Bù Đăng
6	Vốn Đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất				76.700	76.700		Sở Tài nguyên và Môi trường
7	Vốn Lập Quy hoạch				153.400	153.400		Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh giao chi tiết vốn
8	Vốn Quỹ Hỗ trợ Hội nông dân tỉnh				2.500	2.500		Hội Nông dân tỉnh
9	Dự phòng				184.400	184.400		



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Phước, ngày tháng 12 năm 2024

NGHỊ QUYẾT
Thông qua kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 18

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 21 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 và Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua kế hoạch bổ sung vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua kế hoạch bổ sung vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025 nguồn ngân sách địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua điều chỉnh bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025;

Xét Tờ trình số 163/TTr-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 82/BC-HĐND-KTNS ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025, với các nội dung như sau:

I. Nguồn vốn năm 2025

Tổng nguồn vốn năm 2025 là 5.994 tỷ 854 triệu đồng, trong đó vốn trong nước là 5.983 tỷ 688 triệu đồng, vốn nước ngoài là 11 tỷ 166 triệu đồng, bao gồm:

1. Vốn ngân sách địa phương: 5.471 tỷ 439 triệu đồng.

Trong đó:

- Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước: 694 tỷ 379 triệu đồng.
- Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất: 3.250 tỷ 660 triệu đồng.
- Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết: 1.485 tỷ đồng.
- Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương: 41 tỷ 400 triệu đồng.

2. Vốn ngân sách trung ương: 523 tỷ 415 triệu đồng.

Trong đó:

- Vốn trong nước: 512 tỷ 249 triệu đồng.
- Vốn nước ngoài: 11 tỷ 166 triệu đồng.

II. Phương án phân bổ: 5.994 tỷ 854 triệu đồng.

1. Vốn ngân sách địa phương: 5.471 tỷ 439 triệu đồng.

1.1. Nguồn chi xây dựng cơ bản tập trung: 694 tỷ 379 triệu đồng.

Trong đó:

- Vốn phân cấp huyện, thị xã, thành phố: 303 tỷ 600 triệu đồng.

(quy định tại Nghị quyết số 20/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020)

- Trả nợ vay ODA (Dự án Minh Lập - Lộc Hiệp): 15 tỷ 790 triệu đồng.

- Vốn đối ứng ngân sách trung ương: 25 tỷ đồng.

- + Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: 10 tỷ đồng.

- + Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 15 tỷ đồng.

- Vốn tất toán các công trình đã quyết toán: 40 tỷ đồng.

- Thực hiện dự án: 280 tỷ đồng.

- + Dự án chuyển tiếp sang năm 2025: 280 tỷ đồng.

- Vốn chuẩn bị đầu tư kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026-2030: 29 tỷ 989 triệu đồng.

1.2. Vốn từ nguồn thu sử dụng đất: 3.250 tỷ 660 triệu đồng.

Trong đó:

- Vốn phân cấp huyện, thị xã, thành phố (thu của các huyện, thị xã, thành phố để lại chi XDCB theo Nghị quyết 15/2021/NQ-HĐND): 450 tỷ 996 triệu đồng.

- Hoàn trả ngân sách tỉnh: 1.583 tỷ đồng.

- Vốn đối ứng ngân sách trung ương: 40 tỷ đồng.

+ Dự án tăng cường khả năng thoát lũ Suối Rạt:	40 tỷ đồng.
- Thực hiện dự án:	946 tỷ 400 triệu đồng.
+ Dự án chuyển tiếp sang năm 2025:	946 tỷ 400 triệu đồng.
- Vốn Đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:	76 tỷ 700 triệu đồng.
- Vốn Lập Quy hoạch:	153 tỷ 400 triệu đồng.
- Vốn chuẩn bị đầu tư kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026-2030:	164 triệu đồng.
1.3. Vốn từ nguồn thu xổ số kiến thiết:	1.485 tỷ đồng.
Trong đó:	
- Vốn đối ứng ngân sách trung ương:	153 tỷ đồng.
+ Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới:	100 tỷ đồng.
+ Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở giai đoạn 2021 - 2025:	18 tỷ đồng.
+ Xây dựng đường giao thông phía Tây QL 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư:	35 tỷ đồng.
- Thực hiện dự án:	1.329 tỷ 500 triệu đồng.
+ Dự án chuyển tiếp sang năm 2025:	615 tỷ 500 triệu đồng.
+ Dự án khởi công mới năm 2025:	714 tỷ đồng.
- Vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh:	2 tỷ 500 triệu đồng.
1.4. Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương: (Dự án Hiện đại hóa thủy lợi thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Bình Phước)	41 tỷ 400 triệu đồng.
2. Vốn ngân sách trung ương:	523 tỷ 415 triệu đồng.
2.1. Vốn trong nước:	512 tỷ 249 triệu đồng.
Trong đó:	
- Các chương trình mục tiêu quốc gia:	325 tỷ 549 triệu đồng.
+ Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới:	151 tỷ 850 triệu đồng.
+ Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững:	2 tỷ 457 triệu đồng.
+ Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi:	171 tỷ 242 triệu đồng.
- Các chương trình mục tiêu:	186 tỷ 700 triệu đồng.
+ Dự án chuyển tiếp:	186 tỷ 700 triệu đồng.
2.2. Vốn nước ngoài (ODA):	11 tỷ 166 triệu đồng.
- Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở giai đoạn 2021-2025:	11 tỷ 166 triệu đồng.

(Kèm theo Biểu tổng hợp, Biểu số 1, Biểu số 2, Biểu số 3)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 04 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về dự kiến Kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2025.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa X, kỳ họp thứ 18 thông qua ngày ...tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- TTTU, TTHĐND, Đoàn ĐBQH, UBND, BTTUBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- TTHĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP, các phòng chuyên môn;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Huỳnh Thị Hằng

BIỂU TỔNG HỢP KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số

/NQ-HĐND ngày

tháng

năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025			Ghi chú
				Tổng số	Trong đó:		
					Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	
	TỔNG SỐ	40.388.731	3.674.704	5.994.854	5.983.688	11.166	
I	Vốn ngân sách địa phương	33.409.246	2.890.352	5.471.439	5.471.439		Biểu số 1
1	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	2.693.600	493.310	694.379	694.379		
2	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	25.748.369	1.007.242	3.250.660	3.250.660		
2.1	Khởi tỉnh		544.682	2.799.664	2.799.664		
2.2	Khởi huyện		462.560	450.996	450.996		
3	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	4.803.415	1.372.000	1.485.000	1.485.000		
4	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	112.100	17.800	41.400	41.400		
II	Vốn ngân sách trung ương	6.979.485	784.352	523.415	512.249	11.166	
1	Vốn trong nước	6.391.248	739.691	512.249	512.249		Biểu số 2
1.1	Các Chương trình mục tiêu	4.763.034	395.800	186.700	186.700		
1.2	Các Chương trình mục tiêu quốc gia	1.384.214	343.891	325.549	325.549		
-	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	794.233	188.432	171.242	171.242		
-	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	10.111	3.699	2.457	2.457		
-	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	579.870	151.760	151.850	151.850		
2	Vốn nước ngoài	588.237	44.661	11.166		11.166	Biểu số 3

Ghi chú:

1. Thu tiền SDD khởi tỉnh năm 2025 là 2.856 tỷ 800 triệu đồng, trích 2% dự phòng 57 tỷ 136 triệu đồng. Số còn lại chi đầu tư phát triển là 2.799 tỷ 664 triệu đồng.
2. Thu tiền SDD khởi huyện năm 2025 là 460 tỷ 200 triệu đồng, trích 2% dự phòng 9 tỷ 204 triệu đồng. Số còn lại chi đầu tư phát triển là 450 tỷ 996 triệu đồng.

Biểu số 1

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Đã bố trí vốn đến năm 2024	Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024					Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025					Chủ đầu tư
		Số quyết định, ngày, tháng, năm	TMDT			Tổng số	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:				
							Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bồi chi ngân sách địa phương		Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bồi chi ngân sách địa phương	
	Tổng số		37.636.695	20.203.887	11.424.404	2.288.322	391.670	890.636	1.006.016	-	5.471.439	694.379	3.250.660	1.485.000	41.400	
A	Vốn phân cấp huyện, thị xã, thành phố			8.967.024	6.882.292	766.160	303.600	462.560	-		754.596	303.600	450.996			
1	Thành phố Đồng Xoài					107.000	28.600	78.400			105.040	28.600	76.440			
2	Thị xã Bình Long					34.120	25.300	8.820			75.280	25.300	49.980			
3	Thị xã Phước Long					35.960	24.200	11.760			38.900	24.200	14.700			
4	Huyện Đồng Phú					72.700	28.600	44.100			72.700	28.600	44.100			
	Trong đó:															
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%					13.230		13.230			13.230		13.230			
5	Huyện Bù Đăng					96.580	31.900	64.680			61.300	31.900	29.400			
	Trong đó:															
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%					19.404		19.404			8.820		8.820			
6	Huyện Bù Gia Mập					43.180	27.500	15.680			56.900	27.500	29.400			
	Trong đó:															
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%					4.704		4.704			8.820		8.820			
7	Thị xã Chơn Thành					127.460	27.500	99.960			98.060	27.500	70.560			
8	Huyện Hớn Quản					86.300	27.500	58.800			80.420	27.500	52.920			
	Trong đó:															
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%					17.640		17.640			15.876		15.876			
9	Huyện Lộc Ninh					81.760	30.800	50.960			67.256	30.800	36.456			
	Trong đó:															
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%					15.288		15.288			10.937		10.937			
10	Huyện Bù Đốp					34.120	25.300	8.820			42.940	25.300	17.640			
	Trong đó:															
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%					2.646		2.646			5.292		5.292			
11	Huyện Phú Riềng					46.980	26.400	20.580			55.800	26.400	29.400			
	Trong đó:															
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%					6.174		6.174			8.820		8.820			
B	Trả nợ vay ODA (Dự án Minh Lập - Lộc Hiệp)		495.557	64.860		16.070	16.070				15.790	15.790				Sở Tài chính
C	Hoàn trả ngân sách tỉnh					-	-	-	-	-	1.583.000	-	1.583.000	-		
I	Hụt thu tiền sử dụng đất khối tỉnh năm 2022					-		-			1.533.000		1.533.000			Sở Tài chính
II	Hoàn trả nguồn hỗ trợ thành phố Hồ Chí Minh					-		-			50.000		50.000			Sở Tài chính

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Đã bố trí vốn đến năm 2024	Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024					Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025					Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT			Tổng số	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:				
							Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương		Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	
D	Vốn đối ứng ngân sách trung ương		2.236.000	2.334.347	1.842.595	458.910	-	47.450	411.460	-	218.000	25.000	40.000	153.000	-	
1	Chương trình MTQG nông thôn mới			1.445.000	1.295.000	159.000			159.000		100.000			100.000		Văn phòng Điều phối xây dựng NTM phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh giao chi tiết vốn
2	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững			250.000	170.710	9.710			9.710		10.000	10.000				Ban Dân tộc phối hợp Sở LĐTBXH tham mưu UBND tỉnh giao chi tiết vốn
3	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi			80.000	55.000	19.000			19.000		15.000	15.000				Ban Dân tộc phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh giao chi tiết vốn
4	Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở giai đoạn 2021 - 2025	1640/QĐ-UBND ngày 30/10/2024	140.000	28.347	10.000	10.000			10.000		18.000			18.000		Sở Y tế
5	Dự án tăng cường khả năng thoát lũ Suối Rạt	2713/QĐ-BNN-XD ngày 06/7/2023	646.000	186.000	5.000	5.000			5.000		40.000		40.000			Ban QLDA ĐTXD tỉnh
6	Xây dựng đường giao thông phía Tây QL 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư	2292/QĐ-UBND ngày 30/10/2019; 387/QĐ-UBND ngày 8/2/2021; 1631/QĐ-UBND ngày 7/9/2022	1.450.000	345.000	306.885	256.200		47.450	208.750		35.000			35.000		Ban QLDA ĐTXD tỉnh
E	Vốn tất toán các công trình đã quyết toán			254.375	193.777	44.450			44.450		40.000	40.000				Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp Sở Tài chính và các Chủ đầu tư tham mưu UBND tỉnh giao chi tiết vốn
F	Vốn thực hiện dự án		34.905.138	8.272.294	2.459.780	1.002.732	72.000	380.626	550.106	-	2.597.300	280.000	946.400	1.329.500	41.400	
F1	Dự án chuyển tiếp		7.214.000	6.278.400	2.459.780	1.002.732	72.000	380.626	550.106	-	1.841.900	280.000	946.400	615.500	-	
I	Giao thông - vận tải & Hạ tầng đô thị		6.145.000	5.284.000	2.037.030	645.632	7.000	360.626	278.006	-	1.344.900	250.000	870.400	224.500	-	
1	Xây dựng đường phía Tây QL13 kết nối Bàu Bàng	1328/QĐ-UBND ngày 24/5/2021; 3158/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	440.000	396.000	151.999	100.000			100.000		60.000		60.000			Ban QLDA ĐTXD tỉnh
2	Nâng cấp, mở rộng ĐT753 và xây dựng cầu Mã Đà kết nối với sân bay quốc tế Long Thành Đồng Nai và cảng Cái Mép, Thị Vải Bà Rịa - Vũng Tàu	2118/QĐ-UBND ngày 27/12/2023	480.000	223.000							50.000		50.000			Ban QLDA ĐTXD tỉnh
3	Nâng cấp, mở rộng QL14 đoạn Đồng Xoài - Chơn Thành	3075/QĐ-UBND ngày 03/12/2021; 1456/QĐ-UBND ngày 15/8/2022	1.450.000	1.305.000	18.769						153.400		153.400			Ban QLDA ĐTXD tỉnh
4	Xây dựng đường Trường Chinh (đoạn qua khu đô thị Cát Tường)	2409/QĐ-UBND ngày 16/9/2021	80.000	72.000	10.000	-			-		60.000		60.000			UBND TP Đồng Xoài

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Đã bố trí vốn đến năm 2024	Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024					Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025					Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT			Tổng số	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:				
							Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương		Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	
5	Xây dựng đường Trần Hưng Đạo (đoạn từ đường Nguyễn Bình đến QL14 và đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường Trần Phú)	1988/QĐ-UBND ngày 19/8/2020	250.000	225.000	156.000	40.000		5.394	34.606		69.000			69.000		UBND TP Đồng Xoài
6	Xây dựng đường từ TTHC huyện Đồng Phú đến khu quy hoạch công nghiệp - thương mại - dịch vụ Becamex Bình Phước	2129/QĐ-UBND ngày 28/8/2020	372.000	334.800	166.232	16.232		16.232			120.000		120.000			UBND huyện Đồng Phú
7	Xây dựng đường trục chính từ ĐT.741 vào khu công nghiệp và dân cư Đồng Phú	213/QĐ-UBND ngày 25/01/2021	340.000	306.000	54.000	12.000		12.000			162.000	52.000	110.000			UBND huyện Đồng Phú
8	Xây dựng đường từ ĐT.741 vào khu công nghiệp Nam Đồng Phú mở rộng	215/QĐ-UBND ngày 25/01/2021; 674/QĐ-UBND ngày 04/5/2023	130.000	117.000	47.550	12.000		12.000			60.000	60.000				UBND huyện Đồng Phú
9	Nâng cấp mở rộng đường đường Phú Riêng Dò từ TTHC huyện đi Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, huyện Đồng Phú	1607/QĐ-UBND ngày 22/4/2021	38.000	34.200	14.000	12.000		12.000			20.000	20.000				UBND huyện Đồng Phú
10	Nâng cấp, mở rộng đường từ ĐT.759B đi trung tâm thương mại huyện Bù Đốp	362/QĐ-UBND ngày 05/2/2021	55.000	49.500	47.000	20.000		20.000			2.500		2.500			UBND huyện Bù Đốp
11	Xây dựng đường Hùng Vương nối dài	236/QĐ-UBND ngày 26/01/2021	80.000	72.100	36.000	20.000		20.000			30.000		30.000			UBND huyện Bù Đốp
12	Nâng cấp, mở rộng đường từ ĐT.759B đoạn từ đồn biên phòng 789 đi sông Măng qua cửa khẩu Hoàng Diệu	3281/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	110.000	99.100	41.000	20.000		20.000			55.000		55.000			UBND huyện Bù Đốp
13	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT 760 từ ngã tư ĐT 741 đến cầu Đăk O xã Phú Văn (Tuyến 1) và đường liên xã Đức Hạnh - Phú Văn từ ĐT 741 đến ngã tư Quốc Tế, xã Phú Văn (Tuyến 2)	2140/QĐ-UBND ngày 28/8/2020	150.000	135.000	110.000	20.000		20.000			25.000		25.000			UBND huyện Bù Gia Mập
14	Nâng cấp mở rộng đường từ cầu bắc qua Sông Bè (kết nối TX Phước Long và huyện Bù Gia Mập đến QL 14C)	2408/QĐ-UBND ngày 16/9/2021	75.000	67.500	44.000	20.000		20.000			20.000	20.000				UBND huyện Bù Gia Mập
15	Nâng cấp, mở rộng đường ĐH từ xã Đa Kì qua xã Bình Thắng, huyện Bù Gia Mập đi xã Long Bình, huyện Phú Riềng	584/QĐ-UBND ngày 11/3/2021	60.000	54.000	48.000	20.000		20.000			6.000		6.000			UBND huyện Bù Gia Mập
16	Xây dựng các tuyến đường khu trung tâm hành chính huyện	2125/QĐ-UBND ngày 27/08/2020	90.000	81.000	75.000	10.000		10.000			6.000		6.000			UBND huyện Bù Gia Mập
17	Nâng cấp, mở rộng đường từ QL14 đi xã Đăk Nhau	2175/QĐ-UBND ngày 01/9/2020	80.000	72.000	61.000	10.000		10.000			11.000	11.000				UBND huyện Bù Đăng
18	Xây dựng đường Lê Đại Hành thị xã Bình Long nối dài tiếp giáp huyện Hớn Quản	469/QĐ-UBND ngày 26/2/2021	130.000	79.300	55.580	30.000		30.000			23.000			23.000		UBND thị xã Bình Long
19	Nâng cấp mở rộng đường Nguyễn Thái Học nối dài kết nối huyện Hớn Quản	588/QĐ-UBND ngày 11/3/2021	130.000	117.000	75.000	30.000		10.000	20.000		40.000		40.000			UBND thị xã Bình Long
20	Xây dựng, láng nhựa đường từ ĐT 741 đến đường vòng quanh núi Bà Rá	3025/QĐ-UBND ngày 29/11/2021	50.000	45.000	33.000	8.000		-	8.000		12.000	12.000	-			UBND thị xã Phước Long
21	Xây dựng, láng nhựa đường từ ĐT 741 (gần Công ty cao su Phước Long, huyện Phú Riềng) đến đường ĐT 759 (khu vực Long Điền, Long Phước)	2208/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	60.000	54.000	43.500	15.000		15.000			10.000	10.000				UBND thị xã Phước Long
22	Xây dựng cầu bắc qua Sông Bè (nối thị xã Phước Long với huyện Bù Gia Mập)	2209/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	80.000	72.000	65.000	35.000	7.000	28.000			7.000			7.000		UBND thị xã Phước Long

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Đã bố trí vốn đến năm 2024	Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024					Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025					Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMDT			Tổng số	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:				
							Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương		Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	
23	Xây dựng đường từ ĐT.759 đi qua khu di tích lịch sử Cây Khế Bà Định và nhà tù Bà Rá	2205/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	60.000	54.000	50.000	20.000		20.000			4.000			4.000		UBND thị xã Phước Long
24	Xây dựng đường trục chính từ xã Tân Khai đi Phước An và Tân Quan, huyện Hớn Quản	550/QĐ-UBND ngày 05/3/2021	180.000	162.000	30.000	5.000		5.000			60.000		60.000			UBND huyện Hớn Quản
25	Nâng cấp đường từ Ngã 3 Xa Cát vào Khu công nghiệp Việt Kiều, huyện Hớn Quản	2021/QĐ-UBND ngày 20/8/2020	270.000	243.000	90.000	20.000		20.000			90.000		90.000			UBND huyện Hớn Quản
26	Xây dựng các tuyến đường từ thị trấn Tân Khai kết nối với các tuyến đường đi xã Phước An, Đồng Nơ và Minh Đức, huyện Hớn Quản	2064/QĐ-UBND ngày 12/8/2021	110.000	99.000	47.000	15.000		15.000			30.000			30.000		UBND huyện Hớn Quản
27	Nâng cấp mở rộng đường liên huyện Phú Riềng - Bù Đăng	1230/QĐ-UBND ngày 13/5/2021	200.000	180.000	160.000	50.000			50.000		20.000			20.000		UBND huyện Phú Riềng
28	Xây dựng Kết nối đường liên huyện Phú Riềng - Cầu Long Tân - Tân Hưng (Hớn Quản).	3195/QĐ-UBND ngày 23/12/2021	90.000	81.000	53.400	25.400		-	25.400		25.000			25.000		UBND huyện Phú Riềng
29	Xây dựng đường từ xã Phú Trung đi xã Phước Tân, kết nối DH 312 với đường ĐT 759	3072/QĐ-UBND ngày 03/12/2021	120.000	108.000	63.000	30.000		20.000	10.000		45.000		2.500	42.500		UBND huyện Phú Riềng
30	Xây dựng đường vào Khu công nghiệp Long Tân	2022/QĐ-UBND ngày 20/8/2020	85.000	76.500	26.000						2.000			2.000		UBND huyện Phú Riềng
31	Xây dựng đường kết nối từ Bù Nho đi Phước Tân qua TTHC huyện Phú Riềng hướng về cầu Long Tân - Tân Hưng Hớn Quản	2041/QĐ-UBND ngày 20/8/2020	100.000	90.000	50.000						2.000			2.000		UBND huyện Phú Riềng
32	Xây dựng đường từ Trung tâm hành chính huyện Chơn Thành đi xã Quang Minh kết nối KCN Becamex	3240/QĐ-UBND ngày 28/12/2021	100.000	90.000	85.000						5.000	5.000				UBND thị xã Chơn Thành
33	Xây dựng đường liên khu phố 4, khu phố 5 TT Chơn thành đến KCN Chơn Thành	79/QĐ-UBND ngày 16/01/2023	100.000	90.000	30.000	30.000			30.000		60.000	60.000				UBND thị xã Chơn Thành
II	Hạ tầng khu công nghiệp, KKT		50.000	45.000	23.100	9.100	-	-	9.100	-	16.000	-	16.000	-	-	
I	Xây dựng mương thoát nước mưa và thoát nước thải ngoài hàng rào khu công nghiệp Minh Hưng Sikico mở rộng	1127/QĐ-UBND ngày 04/5/2021	50.000	45.000	23.100	9.100			9.100		16.000		16.000			Ban QLDA ĐTXD tỉnh
III	Nông nghiệp, thủy lợi, lâm nghiệp		138.000	156.000	61.000	44.000	5.000	-	39.000	-	70.000	10.000	60.000	-	-	
1	Bổ sung thêm vốn điều lệ phát triển hợp tác xã			32.000	22.000	5.000	5.000				10.000	10.000				Liên minh HTX
2	Nạo vét mở rộng lòng suối, xây kè, đường đi suối Đak Woa, huyện Bù Đăng	2043/QĐ-UBND ngày 31/10/2022	138.000	124.000	39.000	39.000			39.000		60.000		60.000			Ban QLDA ĐTXD tỉnh
IV	Giáo dục và Đào tạo		300.000	270.000	68.000	-	-	-	-	-	90.000	-	-	90.000	-	
1	Dự án kiên cố hóa phòng học tam, phòng học bán kiên cố cấp học Mầm non và Tiểu học cho vùng đồng bào DTTS, vùng sâu, vùng xa theo QĐ 900/QĐ-TTg (300 phòng học)	2212/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	300.000	270.000	68.000						90.000			90.000		Ban QLDA ĐTXD tỉnh
V	Văn hóa xã hội		80.000	72.000	50.650	35.000	35.000	-	-	-	20.000	20.000	-	-	-	
1	Xây dựng Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh BP	3271/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	80.000	72.000	50.650	35.000	35.000				20.000	20.000				Ban QLDA ĐTXD tỉnh
VI	Công nghệ thông tin, chính quyền điện tử, chuyển đổi số		501.000	451.400	220.000	175.000	-	-	175.000	-	225.000	-	-	225.000	-	
1	Đầu tư thiết bị, phần mềm, cơ sở dữ liệu phục vụ xây dựng Chính quyền số, địa phương thông minh tỉnh Bình Phước giai đoạn 2022-2025	1194/QĐ-UBND ngày 21/7/2023	446.000	401.400	195.000	150.000			150.000		200.000			200.000		Sở Thông tin và Truyền thông

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Đã bố trí vốn đến năm 2024	Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024					Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025					Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT			Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:					
							Chi XD CB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết		Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	Chi XD CB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	
2	Đầu tư hệ thống giám sát giao thông, an ninh trên địa bàn tỉnh	1922/QĐ-UBND ngày 14/10/2022	55.000	50.000	25.000	25.000		25.000		25.000			25.000		Công an tỉnh	
V	Quản lý nhà nước		65.000	65.000	59.000	59.000	-	20.000	39.000	-	6.000	-	-	6.000	-	
1	Cải tạo, nâng cấp Hội trường tỉnh	1026/QĐ-UBND ngày 27/6/2024	65.000	65.000	59.000	59.000		20.000	39.000		6.000			6.000		Ban QLDA ĐTXD tỉnh
VI	Quốc phòng - An ninh		128.000	115.200	35.000	35.000	25.000	-	10.000	-	70.000	-	-	70.000	-	
1	Xây dựng kho vũ khí đạn Bộ CHQS tỉnh Bình Phước (giai đoạn 2)	25/QĐ-UBND ngày 03/01/2024	43.000	38.700	10.000	10.000			10.000		25.000			25.000		Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh
2	Sở chỉ huy thống nhất tỉnh Bình Phước - giai đoạn 1; Mật danh: HBP-21/GĐ1	142/QĐ-QK ngày 10/11/2023	50.000	45.000	10.000	10.000	10.000				30.000			30.000		Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh
3	Xây dựng Trại tạm giam Công an tỉnh (giai đoạn 2)	744/QĐ-UBND ngày 10/5/2023	35.000	31.500	15.000	15.000	15.000				15.000			15.000		Công an tỉnh
F2	Dự án khởi công mới		27.691.138	1.993.894	-	-	-	-	-	-	755.400	-	-	714.000	41.400	
I	Đổi ứng dự án ODA		587.138	196.394	-	-	-	-	-	-	41.400	-	-	-	41.400	
1	Dự án Hiện đại hóa thủy lợi thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Bình Phước	1310/QĐ-UBND ngày 15/8/2023; 257/QĐ-UBND ngày 06/02/2024	587.138	196.394							41.400				41.400	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
II	Đổi ứng dự án PPP		25.540.000	1.233.500	-	-	-	-	-	-	350.000	-	-	350.000		
1	Xây dựng đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa (Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước)	138/2024/QH15 ngày 28/6/2024	25.540.000	1.233.500							350.000			350.000		Ban QLDA ĐTXD tỉnh chủ đầu tư dự án thành phần 3, thành phần 5
III	Giao thông - vận tải & Hạ tầng đô thị		1.474.000	474.000	-	-	-	-	-	-	314.000	-	-	314.000		
1	Xây dựng đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Thủ Dầu Một - Chơn Thành đoạn qua địa bàn tỉnh Bình Phước	02/NQ-HĐND ngày 13/5/2024	1.474.000	474.000							314.000			314.000		Ban QLDA ĐTXD tỉnh
IV	Giáo dục và Đào tạo		90.000	90.000	-	-	-	-	-	-	50.000	-	-	50.000	-	
1	Xây dựng Trường THPT Lương Thế Vinh, huyện Bù Đăng		90.000	90.000							50.000			50.000		UBND huyện Bù Đăng
G	Vốn Đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất			76.700							76.700		76.700			Sở Tài nguyên và Môi trường
H	Vốn lập Quy hoạch			153.400							153.400		153.400			Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh giao chi tiết vốn
I	Vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh			2.500							2.500			2.500		Hội Nông dân tỉnh
K	Vốn chuẩn bị đầu tư kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026-2030			78.387	45.960						30.153	29.989	164			Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố để xuất chủ trương đầu tư tham mưu UBND tỉnh giao chi tiết vốn

Biểu số 2

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số

/NQ-HĐND ngày

tháng

năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025	Lũy kế kế hoạch vốn đã giao giai đoạn 2021-2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Chủ đầu tư
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				
	TỔNG SỐ				1.616.948	1.028.128	512.249	
A	Các Chương trình mục tiêu quốc gia				1.384.214	982.128	325.549	
I	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới				579.870	428.020	151.850	Văn phòng điều phối XD NTM tỉnh phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh giao chi tiết vốn
II	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững				10.111	7.654	2.457	Sở Lao động Thương binh và Xã hội phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh giao chi tiết vốn
III	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi				794.233	546.454	171.242	Ban Dân tộc phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh giao chi tiết vốn
B	Các chương trình mục tiêu		480.000	232.734	232.734	46.000	186.700	
I	Các dự án chuyển tiếp		480.000	232.734	232.734	46.000	186.700	
1	Giao thông		480.000	232.734	232.734	46.000	186.700	
1.1	Nâng cấp, mở rộng ĐT753 và xây dựng cầu Mã Đà kết nối với sân bay quốc tế Long Thành Đồng Nai và cảng Cái Mép, Thị Vải Bà Rịa - Vũng Tàu	2118/QĐ-UBND ngày 27/12/2023	480.000	232.734	232.734	46.000	186.700	Ban QLDA ĐTXD tỉnh

Biểu số 3

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN NƯỚC NGOÀI) NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HDND ngày tháng năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư								Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025				Điều chỉnh kế hoạch năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Chủ đầu tư	
		Số quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMĐT						Tổng số	Trong đó:						
				Trong đó:							Vốn đối ứng nguồn NSTW						
				Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)				Tổng số	Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước	Vốn nước ngoài (vốn NSTW)				
				Tổng số	Trong đó:		Tinh bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt									
					Vốn NSTW	Vốn ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó:								
Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại																
	TỔNG SỐ		140.000	28.347		28.347		111.653	111.653		111.653			111.653	44.661	11.166	
I	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới		140.000	28.347		28.347		111.653	111.653		111.653			111.653	44.661	11.166	
1	Dự án chuyển tiếp		140.000	28.347		28.347		111.653	111.653		111.653			111.653	44.661	11.166	
-	Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở giai đoạn 2021-2025	1640/QĐ-UBND ngày 30/10/2024	140.000	28.347		28.347		111.653	111.653		111.653			111.653	44.661	11.166	Sở Y tế



NGHỊ QUYẾT

**Quyết định chủ trương đầu tư dự án
Xây dựng Trường trung học phổ thông Lương Thế Vinh, huyện Bù Đăng**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 18**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Xét Tờ trình số 167/TTr-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 82/BC-HĐND-KTNS ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định chủ trương đầu tư dự án Xây dựng Trường trung học phổ thông Lương Thế Vinh, huyện Bù Đăng, với các nội dung như sau:

- Cơ quan lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư: UBND huyện Bù Đăng.
- Chủ đầu tư: UBND huyện Bù Đăng.
- Mục tiêu đầu tư:

Nhằm phục vụ nhu cầu về học tập, tạo điều kiện tốt nhất cho việc dạy và học cũng như đem đến một môi trường học tập, vui chơi lành mạnh cho các em học sinh. Đồng thời, đáp ứng cơ sở vật chất, đảm bảo môi trường giáo dục chất lượng, hiện đại, khang trang, đủ tiêu chuẩn quy định các tiêu chí của trường để phấn đấu đạt mục tiêu về kế hoạch xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia của huyện Bù Đăng.

4. Quy mô đầu tư:

- Khối phòng bộ môn: Xây dựng 16 phòng và 02 nhà vệ sinh với tổng diện tích xây dựng khoảng 1.111,67m².
- Khối 16 phòng học: Xây dựng 16 phòng với tổng diện tích xây dựng khoảng 494,38m².
- Khối 12 phòng học: Xây dựng 12 phòng với tổng diện tích xây dựng khoảng 494,38m².
- Khối hành chính quản trị, hỗ trợ học tập: Xây dựng 17 phòng với tổng diện tích xây dựng khoảng 769,57m².
- Nhà thi đấu đa năng với tổng diện tích xây dựng khoảng 1.063,57m².
- Các hạng mục phụ trợ và hạng mục khác: Cổng, nhà bảo vệ, nhà xe, hàng rào, san lấp mặt bằng, sân đường nội bộ, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống cấp điện tổng thể, phòng cháy chữa cháy...

- Mua sắm trang thiết bị.

5. Nhóm dự án: Nhóm B.

6. Tổng mức đầu tư dự án: 90 tỷ đồng.

7. Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh.

8. Địa điểm thực hiện dự án: Xã Bom Bo, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

9. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2024 - 2027.

10. Tiến độ thực hiện dự án:

- Năm 2024-2025: Chuẩn bị đầu tư, lập và phê duyệt báo cáo chủ trương đầu tư; lập và phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi, tổ chức lựa chọn nhà thầu, khởi công xây dựng.
- Năm 2025-2027: Thi công xây dựng và hoàn thành dự án đưa vào sử dụng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm:

a) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân huyện Bù Đăng lập báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án trình cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư dự án theo đúng quy định của Luật Đầu tư công và pháp luật có liên quan.

b) Bổ sung danh mục dự án vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp cuối năm 2024.

c) Tổ chức triển khai, thực hiện dự án theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo tiến độ, chất lượng và hiệu quả kinh tế - xã hội.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa X, kỳ họp thứ 18 thông qua ngày ... tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- TTTU, TTHĐND, Đoàn ĐBQH, UBND, BTTUBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- TTHĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP, các phòng chức năng;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Huỳnh Thị Hằng